

COMMON ERRORS OF CHINESE LANGUAGE STUDENTS IN VERBE CONJUGATION IN DUAL PAST TENSE WITH AUXILIARY “ÊTRE” IN FRENCH AT SCHOOL OF FOREIGN LANGUAGES - THAI NGUYEN UNIVERSITY

Hoang Thu Nga

TNU - School of Foreign Language

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	06/6/2022	At School of Foreign Languages – Thai Nguyen University, Chinese language and Chinese teacher education students often make mistakes in conjugating verbs in dual past tense with the auxiliary être in French second language subject. This has had a significant impact on students’ interest in learning as well as learning outcomes. This present article aims to clarify what common mistakes are made by the learners. Verb conjugation exercises in dual past tense with 12 frequent verbs which go with the auxiliary être were collected and analyzed. The survey was participated by students of cohort 41 and 42, school year 2021-2022. The survey results show that the common mistakes appeared in conjugating the main verb in past participle and matching this participle with the subject. The survey results help the author make some pedagogical suggestions to limit errors for learners as well as improve the quality of teaching and learning French.
Revised:	24/6/2022	
Published:	24/6/2022	
KEYWORDS		
Errors		
Chinese language students		
Conjugation		
Dual past tense in French		
Auxiliary être		

LỖI SAI HAY MẮC PHẢI CỦA SINH VIÊN TIẾNG TRUNG QUỐC TRONG VIỆC CHIA ĐỘNG TỪ TIẾNG PHÁP Ở QUÁ KHỨ KÉP VỚI TRỢ ĐỘNG TỪ ÊTRE TẠI TRƯỜNG NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Hoàng Thu Nga

Trường Ngoại ngữ - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	06/6/2022	Tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và Sư phạm tiếng Trung Quốc hay mắc lỗi trong việc chia động từ ở thì quá khứ kép với trợ động từ être trong học phần tiếng Pháp ngoại ngữ 2. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới hứng thú và kết quả học tập của người học. Bài báo này hướng tới làm rõ các lỗi sai hay mắc phải đó là gì thông qua việc thu thập và phân tích phiếu khảo sát bài luyện tập chia động từ của sinh viên khóa 41 và 42 năm học 2021-2022. Kết quả khảo sát cho thấy các lỗi sai phổ biến là lỗi trong việc chia động từ chính ở dạng phân từ và việc hợp giống, hợp số phân từ đó với chủ ngữ. Kết quả khảo sát giúp tác giả có thể đưa ra một số đề xuất sư phạm nhằm hạn chế các lỗi sai cho người học cũng như nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Pháp.
Ngày hoàn thiện:	24/6/2022	
Ngày đăng:	24/6/2022	
TỪ KHÓA		
Lỗi sai		
Sinh viên tiếng Trung Quốc		
Chia động từ		
Quá khứ kép tiếng Pháp		
Trợ động từ être		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6109>

Email: hoangthunga.sfl@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Hiện nay, tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, đa phần sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và Sư phạm tiếng Trung Quốc (sau đây gọi chung là sinh viên tiếng Trung Quốc) lựa chọn học tiếng Pháp là ngoại ngữ thứ hai. Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả đề cập tới khách thể nghiên cứu là sinh viên tiếng Trung Quốc khóa 41, 42 học tiếng Pháp ngoại ngữ thứ hai với chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương với trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu về các ngôn ngữ (Common European Framework of Reference for Languages – CEFR). Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là những lỗi sai hay mắc phải của sinh viên tiếng Trung Quốc trong việc chia các động từ ở thời quá khứ kép với trợ động từ “être” của tiếng Pháp.

Đã có nhiều nghiên cứu về những khó khăn của sinh viên tiếng Anh học ngoại ngữ hai là tiếng Pháp. Trương Thị Minh [1] nêu ra những điểm tương đồng của hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Pháp về đặc điểm loại hình ngôn ngữ đa âm tiết, biến hình; các đặc trưng ngữ pháp như thời, ngôi của động từ, số của danh từ, các loại đại từ, mạo từ; về mặt từ vựng với các từ vay mượn và mặt cú pháp khi cấu trúc câu của hai ngôn ngữ đều có những thành tố tương đương. Bên cạnh đó, tác giả còn có những phân tích khá cụ thể đề nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Pháp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh theo định hướng B1 [2]. Qua quá trình giảng dạy, chúng tôi nhận thấy sinh viên tiếng Anh ít mắc lỗi trong quá trình học hơn sinh viên tiếng Trung Quốc, đặc biệt là về mặt ngữ pháp. Trong bài báo [3], chúng tôi đã từng đề cập đến đối tượng sinh viên tiếng Trung Quốc học ngoại ngữ hai tiếng Pháp với những lỗi sai cơ bản trong việc sử dụng động từ Aller. Tác giả Đặng Thị Kiều [4] đề xuất một số hoạt động học tập thông qua trò chơi nhằm tăng sự hứng thú của người học là đối tượng sinh viên học ngoại ngữ hai tiếng Pháp nói chung. Về nội dung nghiên cứu liên quan đến những khó khăn trong việc sử dụng thời quá khứ kép của tiếng Pháp đã được tác giả Trương Thị Minh đề cập đến trong công bố [5] và tác giả Vũ Thị Ngân đề xuất chuyển dịch ý nghĩa của thời quá khứ kép sang Tiếng Việt [6], [7]. Các nghiên cứu nói trên chỉ dừng lại ở việc xét thời quá khứ kép và trợ động từ être dưới góc độ ngữ nghĩa và không đi cụ thể hóa vào nhóm chia ở thì quá khứ kép của tiếng Pháp. Thêm vào đó chưa có công trình nghiên cứu nào hướng đến các lỗi sai khi chia động từ với trợ động từ “être” ở thời quá khứ kép cũng như của đối tượng sinh viên tiếng Trung Quốc học ngoại ngữ hai tiếng Pháp. Vì vậy, chúng tôi nghiên cứu tới vấn đề này nhằm cải thiện việc dạy và học tiếng Pháp tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên cũng như tìm các giải pháp giúp sinh viên ít mắc lỗi khi chia động từ ở quá khứ kép.

Nội dung của bài báo hướng tới trả lời 2 câu hỏi sau: Các lỗi sai hay mắc phải của sinh viên tiếng Trung Quốc khi chia động từ ở quá khứ kép với trợ động từ “être” là gì? Giải pháp gì để giúp người học hạn chế được các lỗi sai hay mắc phải đó?

2. Phương pháp nghiên cứu

Để có kết quả về các lỗi sai hay mắc phải trong việc chia động từ ở quá khứ kép với trợ động từ “être” của sinh viên tiếng Trung Quốc, chúng tôi đã tiến hành thu thập dữ liệu 480 câu chia động từ, thông qua 40 phiếu luyện tập chia các động từ phản thân và một số động từ chỉ sự chuyển động (chia với trợ động từ être) ở thời quá khứ kép trong học phần tiếng Pháp ngoại ngữ 2 năm học 2021-2022. Phiếu bài tập bao gồm 12 câu, trong đó có 7 câu chia động từ thường mang nghĩa chuyển động và 5 câu chia động từ phản thân. Các nhóm được tiến hành thu thập số liệu ở đây đều là sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc hoặc Sư phạm tiếng Trung Quốc. Thông qua 40 phiếu thu thập được, chúng tôi tiến hành phân loại 480 câu thành 12 nhóm (tương ứng với 12 câu trong phiếu bài tập). Từ đó chúng tôi lọc ra những câu chia sai của từng nhóm. Sau khi phân loại các câu sai, chúng tôi tiến hành tập hợp các câu sai theo nhóm lỗi. Kết quả cuối cùng, chúng tôi đã phân loại các lỗi sai thành 5 bảng ứng với 5 nhóm lỗi sau: nhóm không hợp giống, hợp số phân từ quá khứ (PTQK); nhóm không chia động từ chính sang dạng phân từ và chia sai phân từ quá khứ; nhóm chia sai và dùng sai trợ động từ (TĐT); nhóm chia thiếu trợ động từ và nhóm chia thiếu đại từ phản thân (ĐTPT). Số lượng các lỗi theo câu và theo nhóm lỗi sai được

sắp xếp theo 5 bảng tổng hợp cuối cùng. Để trả lời được câu hỏi nghiên cứu đầu là những lỗi hay mắc phải của sinh viên khi chia động từ ở thời quá khứ kép với TĐT être, chúng tôi đã tiến hành hiển thị kết quả cuối cùng trên một biểu đồ để so sánh số lượng giữa các nhóm lỗi.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thời quá khứ kép (QKK) với các động từ chia với être trong tiếng Pháp

Theo sách *Ngữ pháp mới tiếng Pháp - Nouvelle grammaire du français* [8] của tác giả Y. Delatour cùng nhóm tác giả, và cuốn sách chuyên khảo *Giải thích Ngữ pháp tiếng Pháp - Grammaire expliquée du français* [9] của Sylvie Poisson-Quinton cùng nhóm tác giả, thời quá khứ kép được dùng để diễn đạt một hành động hoàn thành tại một thời điểm trong quá khứ. Đa số các trường hợp chia động từ chính với trợ động từ avoir, ví dụ: *Tu as passé une bonne soirée chez Nathalie - Anh đã có một buổi tối tuyệt vời ở nhà của Nathalie* (1). Ở câu này người học chỉ cần chia trợ động từ avoir theo ngôi của chủ ngữ là as và chuyển động từ chính passer sang dạng phân từ quá khứ là passé. Tuy nhiên, một số trường hợp động từ chính bắt buộc chia với trợ động từ (TĐT) être bao gồm tất cả các động từ phản thân (verbes pronominaux), ví dụ: *Je me suis levé à 7 heures du matin - Tôi ngủ dậy lúc 7 giờ sáng* (2) và 14 động từ diễn tả hành động di chuyển hoặc sự thay đổi về trạng thái: entrer (đi vào) - sortir (đi ra), monter (đi lên) - descendre (đi xuống), passer (đi qua) - rester (ở lại), arriver (đến nơi) - partir (khởi hành), aller (đi) - venir (đến), retourner (quay lại) - tomber (rơi xuống). Ví dụ: *Je suis partie en vacances avec quelques amis - Tôi đã đi du lịch với mấy người bạn* (3).

Khi chia ở thời này, TĐT être được chia ở hiện tại theo ngôi của chủ ngữ và theo sau là động từ thực hiện hành động chia ở dạng phân từ quá khứ (participe passé), ví dụ: *Le directeur est sorti du bureau - Ngài giám đốc đã đi ra khỏi văn phòng* (4). Nếu chỉ dừng lại ở đây thì sinh viên sẽ không gặp nhiều khó khăn bởi ngoài việc chia TĐT và động từ chính thì người học còn phải thực hiện việc hợp giống, hợp số phân từ quá khứ với chủ ngữ của hành động. Ví dụ: *Elles se sont baignées à la plage - Họ đi tắm biển* (5). Trong câu này chủ ngữ là ngôi thứ ba giống cái số nhiều (Elles) nên phân từ quá khứ phải thêm đuôi -e (giống cái) và -s (số nhiều) là baignées. Hoặc trong câu *Nous sommes arrivés/arrivées tôt ce soir - Tối nay chúng tôi đã đến sớm* (6) thì chủ ngữ là ngôi thứ nhất số nhiều (Nous) nên phân từ quá khứ phải thêm đuôi -s (arrivés) hoặc -es (arrivées) nếu chủ ngữ là giống cái số nhiều. Thêm vào đó cần chú ý đến cấu trúc của một vài động từ: entrer, sortir, passer, monter, descendre, retourner khi theo sau các động từ này là một bổ ngữ trực tiếp, ta sẽ không chia với TĐT être mà phải sử dụng TĐT avoir, đồng thời không còn hợp giống, hợp số phân từ quá khứ nữa. Ví dụ: *J'ai entré la voiture dans le garage - Tôi đã đánh xe vào gara* (7) trong đó la voiture là bổ ngữ trực tiếp của động từ entrer nên trong câu này ta sử dụng TĐT avoir chia ở ngôi thứ nhất số ít (J'ai) và chuyển động từ entrer sang phân từ quá khứ mà không cần hợp giống hợp số).

3.2. Nội dung khảo sát

Ở học phần Bút ngữ tiếng Pháp sơ cấp 1, người học được làm quen với khái niệm và các bài luyện tập đơn giản về chia động từ ở thời quá khứ kép. Trong phiếu bài tập chúng tôi phát cho sinh viên có 12 câu chia động từ ở trình độ A1 (tham khảo trong cuốn sách bài tập ngữ pháp [10]) với trợ động từ être trong đó có 7 động từ chỉ sự di chuyển và 5 động từ phản thân. Cụ thể như sau:

- a. Mes voisins (aller) ... jouer aux sports d'hiver. (*1)
- b. Jean et Dominique (arriver) ... à la gare de Lyon. (*2)
- c. Mon mari (descendre) ... par l'escalier. (*3)
- d. Sophie (retourner) ... à la maison. (*4)
- e. Ma femme et moi, nous (rentrer) ... après minuit. (*5)
- f. Nathalie et sa mère (partir) ... en Espagne. (*6)
- g. À quelle heure vous (revenir) ... chez vous hier? (*7)
- h. Madame, pourquoi vous (se mettre) ... en colère contre nous lundi dernier? (*8)

- i. Je suis étudiante. Hier, je (se lever) ... à 8 heures. (*9)
- j. Leurs filles (se promener) ... dans le parc hier soir. (*10)
- k. Christophe et moi, nous (se rencontrer) ... par hasard hier. (*11)
- l. Ma petite fille (se baigner) ... tôt ce matin. (*12)

3.3. Kết quả khảo sát

Sau khi thu thập được 480 câu, chúng tôi tiến hành phân loại thành 12 nhóm tương ứng với 12 câu trong phiếu bài tập. Sau đó các câu trả lời sai được tổng hợp vào 5 bảng tương ứng với 5 loại lỗi như đã nêu ở mục 2. Tỷ lệ phần trăm của mỗi lỗi sai được tính theo tổng số 40. Trước khi phân tích các lỗi sai, chúng tôi trình bày đáp án của 12 câu khảo sát để so sánh với các lỗi sai của sinh viên. Các đáp án đều được rà soát về cách chia một cách chính xác trong tài liệu [11].

- a. Mes voisins **sont allés** jouer aux sports d'hiver. (*1)
- b. Jean et Dominique **sont arrivés** à la gare de Lyon. (*2)
- c. Mon mari **est descendu** par l'escalier. (*3)
- d. Sophie **est retournée** à la maison. (*4)
- e. Ma femme et moi, nous **sommes rentrés** après minuit. (*5)
- f. Nathalie et sa mère **sont parties** en Espagne. (*6)
- g. À quelle heure vous **êtes revenu/revenue/revenus/revenues** chez vous hier? (*7)
- h. Madame, pourquoi vous **vous êtes mise** en colère contre nous lundi dernier? (*8)
- i. Je suis étudiante. Hier, je **me suis levée** à 8 heures. (*9)
- j. Leurs filles **se sont promenées** dans le parc hier soir. (*10)
- k. Christophe et moi, nous **nous sommes rencontrés** par hasard hier. (*11)
- l. Ma petite fille **s'est baignée** tôt ce matin. (*12)

Bảng 1. Lỗi sai không hợp giống, hợp số phân từ quá khứ

Lỗi sai	Số lượng lỗi	Tỷ lệ %
(*1): sont allés	3	7,5
(*2): sont arrivés	3	7,5
(*4): est retourné	13	32,5
(*5): sommes rentré	2	5,0
(*6): sont parti, sont partie, sont partis	3	7,5
(*10): se sont promené, se sont promenée, se sont promenés	8	20,0
(*11): nous sommes rencontré	6	15,0
(*12): s'est baigné	5	12,5
Tổng số lỗi	43	

Theo kết quả tổng hợp ở Bảng 1, các lỗi sai không hợp số phân từ quá khứ không quá nhiều đối với các động từ mang nghĩa di chuyển (dưới 10%) nhưng lỗi sai không hợp giống PTQK thì tỷ lệ khá cao (lên đến 32,5%). Đồng thời, tỷ lệ lỗi về hợp giống, hợp số tăng lên với các động từ phản thân (trung bình khoảng gần 20%). Đa số người học nhận thức được việc chia một động từ ở quá khứ kép cần phải chia trợ động từ và chuyển động từ chính sang dạng phân từ. Tuy nhiên, việc thiếu hợp giống hợp số PTQK theo chủ ngữ thực hiện hành động là lỗi thường gặp nhất của sinh viên tại trường chúng tôi, thể hiện qua 8 loại câu sai với tổng số là 43 lỗi, tương ứng 9% trên tổng số 480 câu.

Nhóm các lỗi sai về phân từ quá khứ bao gồm lỗi sai trong việc chia động từ chính sang phân từ quá khứ và chia sai phân từ quá khứ (Bảng 2). Nhóm lỗi này chỉ gặp ở các trường hợp động từ nhóm 3 gồm: descendre, partir, revenir và se mettre. Điều này có thể giải thích ở việc phân từ của các động từ nhóm 3 không có quy tắc chuyển đổi chung như nhóm 1 và nhóm 2. Trong quá trình giảng dạy chúng tôi nhận thấy việc chia động từ nhóm 3 ở thời hiện tại đã là một khó khăn với người học vì nó không có quy tắc nên khi chuyển đổi sang phân từ quá khứ các động từ đó, sinh viên chia sai rất nhiều. Đôi khi, sinh viên dựa vào đuôi của động từ nguyên thể để đoán PTQK như *descendé* (PTQK đúng là *descendu*), *reveni* (PTQK đúng là *revenu*), *metté* (PTQK đúng là *mis*). Các lỗi sai này chiếm tỷ lệ 6,3% trên tổng số 480 câu khảo sát.

Bảng 2. Lỗi sai về phân từ quá khứ

Lỗi sai	Số lượng lỗi	Tỉ lệ %
(*3): est descendre, est descendé	7	17,5
(*6): sont partir	6	15,0
(*7): êtes revenir, êtes revenis	8	20,0
(*8): vous êtes mettre, vous êtes metté	9	22,5
Tổng số lỗi	30	

Việc sử dụng sai và chia sai trợ động từ chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ (Bảng 3) trong số các lỗi thu thập được (6 lỗi), và đặc biệt là không có lỗi này trong các câu chia động từ phản thân. Trước đây chúng tôi đã gặp nhiều lỗi sai về việc dùng sai trợ động từ với các động từ phản thân chia ở thời QKK, ví dụ: thay vì chia câu (*11) là *nous sommes rencontrés* thì người học chia là *avons rencontré* vì họ nhớ rằng động từ *rencontrer* chia ở QKK với TĐT *avoir* mà quên mất rằng câu này có động từ chính là *se rencontrer* (động từ phản thân, không phải động từ thường). Trong năm học vừa qua, khi giảng dạy nội dung lí thuyết, chúng tôi đã yêu cầu người học học thuộc cấu trúc chia các ngôi với phần đại từ phản thân và TĐT tương ứng (*Je me suis, Tu t'es, Il/Elle s'est, Nous nous sommes, Vous vous êtes, Ils/Elles se sont*) nên sinh viên không còn mắc lỗi với nhóm động từ phản thân nữa.

Bảng 3. Lỗi chia sai và sử dụng sai trợ động từ

Lỗi sai	Số lượng lỗi	Tỉ lệ %
(*2): ont arrivé	1	2,5
(*3): a descendu	2	5,0
(*6): ont partis	2	5,0
(*7): avez revenu	1	2,5
Tổng số lỗi	6	

Kết quả điều tra của chúng tôi cũng cho thấy, số lỗi sai chia thiếu trợ động từ cũng không nhiều như nhóm lỗi sai không hợp giống, hợp số PTQK (6 lỗi). Tất cả các lỗi thiếu trợ động từ đều nằm trong nhóm câu chia động từ phản thân (Bảng 4).

Bảng 4. Lỗi chia thiếu trợ động từ

Lỗi sai	Số lượng lỗi	Tỉ lệ %
(*8): vous mise	2	5,0
(*11): nous rencontrés	1	2,5
(*12): se baignée	3	7,5
Tổng số lỗi và phần trăm trên tổng số 480 câu	6	

Loại lỗi sai cuối cùng chúng tôi thu thập được đó là lỗi chia thiếu đại từ phản thân (Bảng 5). Song song với lỗi chia thiếu trợ động từ thì người học cũng mắc phải lỗi chia thiếu đại từ phản thân ở nhóm động từ phản thân. Tuy nhiên, chúng ta thấy 2 nhóm lỗi này chiếm tỉ lệ khá ít nên có thể khẳng định rằng, chỉ một số lượng nhỏ người học quên chia một trong hai thành tố đại từ phản thân và trợ động từ, và lỗi sai này không phổ biến.

Bảng 5. Lỗi chia thiếu đại từ phản thân

Lỗi sai	Số lượng lỗi	Tỉ lệ %
(*8): êtes mise	1	2,5
(*9): suis levée	1	2,5
(*10): sont promenées	1	2,5
(*11): sommes rencontrés	2	5,0
Tổng số lỗi	5	

Thông qua sự chênh lệch về số lượng lỗi sai của 5 nhóm lỗi kể trên chúng ta có thể kết luận được đâu là lỗi sai hay mắc phải của sinh viên tiếng Trung Quốc tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên khi chia động từ tiếng Pháp ở thời quá khứ kép với trợ động từ *être*. Hai nhóm lỗi

sai thường gặp nhất là lỗi sai không hợp giống hợp số phân từ quá khứ (47,8%) và lỗi sai về phân từ quá khứ (bao gồm không chia động từ chính sang phân từ và chia sai phân từ quá khứ là 33,3%) (Bảng 6). Trong quá trình giảng dạy, chúng tôi nhận thấy các lỗi sai này là khá phổ biến nhất với sinh viên, không những đối tượng là sinh viên tiếng Trung Quốc mà còn cả đối tượng sinh viên tiếng Anh.

Bảng 6. Tổng hợp lỗi sai của sinh viên

Loại lỗi sai	Số lỗi	Tỉ lệ %
Lỗi sai không hợp giống, hợp số PTQK	43	47,8
Lỗi sai về phân từ quá khứ	30	33,3
Lỗi chia sai và sử dụng sai trợ động từ	6	6,7
Lỗi chia thiếu trợ động từ	6	6,7
Lỗi chia thiếu đại từ phản thân	5	5,5
Tổng số	90	100

Trong tiếng Anh, để nói đến hành động đã xảy ra và kết thúc trước thời điểm nói, người ta chia động từ nguyên thể sang quá khứ đơn, ví dụ: *I went to school this morning - Sáng nay tôi đến trường* (8). Trong tiếng Trung Quốc, thời quá khứ còn dễ hơn và nó khá giống với tiếng Việt đó là chỉ việc thêm trạng từ “已经 /Yǐjīng/ có nghĩa là từng hoặc đã từng và được đặt trước động từ, ví dụ: 他已经结婚了. /Tā yǐjīng jiéhūnle./- Anh ấy đã kết hôn (9) [12]. Còn trong tiếng Pháp, khi muốn diễn đạt sự việc đã xảy ra, người ta phải chuyển động từ nguyên thể sang dạng phân từ quá khứ kết hợp với trợ động từ và lưu ý hợp giống, hợp số phân từ quá khứ theo chủ ngữ với một số động từ diễn đạt sự di chuyển và động từ phản thân. Ví dụ, câu ở thời hiện tại: *Nous nous rencontrons à la place - Chúng tôi gặp nhau ở quảng trường* (10) khi chuyển sang thời quá khứ chúng ta có: *Nous nous sommes rencontrés/ rencontrées à la place - Chúng tôi đã gặp nhau ở quảng trường* (11). Nghĩa trong tiếng Việt chỉ thêm trạng từ “đã” nhưng trong câu tiếng Pháp ta phải thêm trợ động từ *être* (chia ở ngôi thứ nhất số nhiều) và chuyển động từ *rencontrons* thành PTQK *rencontré*, đồng thời hợp giống, hợp số PTQK đó là *nous sommes rencontrés* hoặc *rencontrées* nếu chủ ngữ *Nous* là 2 hay nhiều người là nữ. Sự khác biệt về quy tắc ngữ pháp này giữa 3 ngôn ngữ qua 3 câu ví dụ (8), (9), (10) được cho là nguyên nhân chính của những nhầm lẫn, lỗi sai của sinh viên học cùng lúc nhiều ngoại ngữ. Bên cạnh đó, những trường hợp ngoại lệ khi chia động từ trong tiếng Pháp, đặc biệt là nhóm động từ bất quy tắc cũng là nguyên nhân của việc mắc lỗi của sinh viên. Sinh viên không nhớ được phân từ quá khứ của các động từ đó dẫn đến việc chia sai như đã trình bày trong Bảng 2 với các động từ trong câu (*3), (*7) và (*8).

4. Kết luận

Trong quá trình học tiếng Pháp ngoại ngữ thứ hai, sinh viên tiếng Trung Quốc tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn trong việc chia động từ ở thời quá khứ kép với TĐT *être*. Căn cứ kết quả khảo sát, việc chia động từ chính sang dạng phân từ và hợp giống hợp số phân từ đó theo chủ ngữ là những lỗi sai hay mắc phải nhiều nhất của các em. Lỗi sai liên quan đến việc chia trợ động từ và đại từ phản thân chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trong số các lỗi mắc phải. Từ những kết quả thực tế này, chúng tôi đưa ra một vài đề xuất sư phạm trong quá trình giảng dạy nội dung thời quá khứ kép với trợ động từ *être* nhằm hạn chế các lỗi sai hay mắc phải của sinh viên tiếng Trung Quốc cũng như nâng cao hứng thú học tập môn tiếng Pháp đối với các em.

Trước hết, giảng viên cần giúp sinh viên ghi nhớ được các động từ mang nghĩa chuyển động chia với TĐT *être* ở QKK. Có thể minh họa sự liên quan giữa các động từ đó thông qua các cặp động từ có nghĩa đối lập như *entrer* (đi vào) - *sortir* (đi ra), *monter* (trèo lên) - *descendre* (đi xuống), *partir* (khởi hành) - *arriver* (đến nơi), *aller* (đi) - *rester* (ở lại),... hoặc ghi nhớ theo hình

về ngôi nhà être (maison d'être) ở đó thể hiện các hoạt động đi vào (entrer) - đi ra (sortir), trèo lên (monter) - descendre (đi xuống), quay trở lại (retourner, revenir), xuất phát (partir) – đến nơi (arriver), và cả cặp động từ naître (được sinh ra) – mourir (bị chết),... hoặc 3 động từ cùng gốc venir (đến), revenir (quay lại, lại đến) và devenir (trở thành, trở nên).

Tiếp theo, trong quá trình học ngoại ngữ, đặc biệt là phần ngữ pháp, việc làm các bài tập thực hành là rất cần thiết. Giáo viên có thể thiết kế các bài tập thực hành từ mức độ dễ đến mức độ khó để người học nhận biết, tiếp cận và nắm vững. Sau nội dung lý thuyết, giáo viên có thể trình chiếu cho người học các câu hoặc một đoạn văn được viết ở thời quá khứ rồi yêu cầu sinh viên chỉ ra các động từ được chia với trợ động từ être, sau đó gợi ý người học đưa ra những nhận xét giống và khác nhau giữa các động từ chia với être và chia với avoir. Giáo viên nên chọn nhiều câu ví dụ với các động từ nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3; đồng thời nên chọn lựa các ví dụ với tất cả các động từ mang nghĩa chuyển động cũng như một số động từ phản thân ở nhóm 1, 2 và 3 để người học có cái nhìn tổng quan về nhóm động từ chia với TĐT être này. Khi người học đã nhận biết được thì việc thực hành chia các động từ ở thời QKK nói chung và nhóm chia với TĐT être sẽ trở nên dễ dàng hơn. Việc luyện tập chia động từ dưới hình thức trắc nghiệm nên được áp dụng trước các bài tập chia động từ truyền thống (ví dụ như chia động từ ở trong ngoặc ở thời quá khứ kếp vào chỗ trống) nhằm gợi nhớ cho sinh viên các quy tắc khi chia, nhận dạng đúng cách chia và ghi nhớ phân từ của các động từ thường gặp. Hiện nay, trên các website học tập trực tuyến môn tiếng Pháp có rất nhiều bài tập trắc nghiệm phù hợp từ dễ đến khó, giáo viên có thể kết hợp bài giảng của mình cùng với việc kết nối các website đó trong giờ học để sinh viên không cảm thấy nhàm chán. Một số trang web mà chúng tôi hay sử dụng như: <https://www.francaisfacile.com>; <https://français.lingolia.com>; <https://www.lepointdufle.net>; www.ortholud.com và <https://apprendre.tv5monde.com>.

Ngoài ra việc thiết kế các bài tập nhận dạng động từ chia ở QKK trong các bài hát, trong các đoạn trích văn học hoặc sinh động hơn nữa là trong các đoạn video trích trong các bộ phim Pháp có phụ đề sẽ là những gợi ý thú vị nhằm thay đổi không khí lớp học cũng như tăng sự hào hứng học tập của sinh viên. Đồng thời, thay vì giao bài tập chia động từ cho sinh viên, giáo viên có thể thay thế hình thức làm bài viết bằng việc mời sinh viên tham gia các trò chơi như đặt câu, nối câu, nối ý để tạo một câu chuyện logic về thời quá khứ, hoặc trò chơi thử thách trí nhớ bằng việc đọc câu chia ở quá khứ để sinh viên lên bảng viết lại,...

Về phía người học, do sự khác nhau về đặc điểm ngôn ngữ cũng như ngữ pháp của tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc và tiếng Việt nên các em sinh viên có thể áp dụng việc học tập đối chiếu giữa hai hoặc ba ngoại ngữ kể trên để có những lưu ý tự rút ra cho mình trong quá trình học. Đó cũng là kinh nghiệm mà chúng tôi đã từng áp dụng khi học cùng lúc hai ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. M. Truong, "Inteferece and some suggestions in teaching French (level A) for students majoring in English," *Ho Chi Minh city University of Education – Journal of Science*, no. 42, pp. 43-47, 2013.
- [2] T. M. Truong, "Improving the teaching and learning quality of French for students majoring in English at Vinh University towards B1 destination," *Vinh University -Journal of Science*, vol. 43, no. 4B, pp. 60-66, 2014.
- [3] T. N. Hoang and T. S. Pham, "Meaning of the word Aller in French and Đi in Vietnamese. Errors in using the word Aller of non-majored students," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 15, pp. 196-203, 2020.
- [4] T. K. Dang and T. T. V. Ngo, "Designing and applying language games in teaching French to non-major classes at school of foreign languages – Thai Nguyen University," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 206, no. 13, pp. 19-24, 2019.
- [5] T. M. Truong, "Difficulties in using Passé Composé among English major students - Some suggestions on teaching methods," *Vietnam Journal of Education*, vol. 3, Special Issue, pp. 218-222, June 2016.
- [6] T. N. Vu, "Some suggested transferences of meanings conveyed by the dual past tense from French into Vietnamese," *VNU Journal of Science, Foreign Languages*, no. 23, pp. 223-228, 2007.

-
- [7] T. N. Vu, "The auxiliary verbs Avoir and Être in semantic angle in French," *VNU Journal of Science*, vol. 1, no. 1, pp. 68-74, 2005.
- [8] Y. Delatour, D. Jennepin, M. Léon-Dufour, and B. Teyssier, *New French Grammar*. Hachette Publisher (in French), 2004.
- [9] S. Poisson-Quinton, C. Huet-Ogle, R. Boulet, and A. Vergne-Sirieys, *French Grammar explained for beginners*. CLE International Publisher (in French), 2003.
- [10] R. Steele and J. Zemiro, *Let's practice 1 – 350 beginner level exercises*. Hachette Publisher (in French), 1992.
- [11] B. Delaunay and N. Laurent, *Bescherelle Conjugation for all*. Hatier Edition (in French), 2019.
- [12] T. T. Nguyen/ Military Science Academy, "Use of adverb “曾经” and “已经,” 2015. [Online]. Available: <http://hvkhs.edu.vn/vi/tin-chi-tiet-cach-su-dung-cua-pho-tu-thoi-gian-va-302afd89>. [Accessed 01 June 2022].